TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số:**211**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Đoan.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Quốc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 28/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐ-HPT ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khắc Thị T, sinh năm 1993.
HKTT: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Ng, sinh năm 1990.
Trú tại: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản tại Tòa án, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Khắc Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng, sinh năm 1990; HKTT: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Tp. Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường hay xung đột dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẻ, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã ly thân.

Nay chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Lê Thiên Ng.

Về con chung: Chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh Ng.

Khi ly hôn, chị T đề nghị giao cả hai con chung là cháu B và cháu L cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện thực hiện.

Về tài sản chung: Chị Khắc Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản tại Tòa án, quá trình tố tụng, bị đơn là anh Lê Thiên Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thiên Ng và chị Khắc Thị T, sinh năm 1993; HKTT: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Tp. Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường hay xung đột dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẻ, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay anh Ng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh Ng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Thiên Ng và chị Khắc Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015. Hiện nay, hai cháu đang sống với anh Ng.

Khi ly hôn, anh Ng đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu B và cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thiên Ng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện.

Về tài sản chung: Anh Lê Thiên Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh UBND xã ĐG, trường Tiểu học ĐG có cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thiên Ng, sinh năm 1990 và chị Khắc Thị T, sinh năm 1993 có Hộ khẩu thường trú tại: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Hà Nội. Anh Ng và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, Hà Nội theo số 101/2012 ngày 02/11/2012 trên cơ sở tự nguyện.

Anh Ng hiện nay sinh sống và lao động ở địa phương tại địa chỉ: nhà số 11, xóm Thắng Lợi, thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Quan hệ hôn nhân của anh Ng và chị T có mâu thuẫn, cụ thể như thế nào, UBND không nắm được. Tuy nhiên, qua xác minh thực tế ở địa phương, hiện nay, chị T không sinh sống cùng anh Ng và các con tại nhà anh Ng.

Về con chung: Anh Lê Thiên Ng và chị Khắc Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với bố là anh Ng. Các cháu đang được đi học theo đúng độ tuổi, không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội tại địa phương.

Cháu Lê Thiên B đang học lớp 3C, trường Tiểu học ĐG do cô giáo Nguyễn Thị S là giáo viên chủ nhiệm. Cháu Lê Thiên L đang học lớp 1A, trường Tiểu học ĐG do cô giáo Nguyễn Thị Tr là giáo viên chủ nhiệm. Các cháu học tập bình thường tại trường theo đúng tiến độ. Bố cháu cùng gia đình nhà nội đều đưa đón các cháu đi học đúng giờ, đầy đủ. Bố các cháu là anh Lê Thiên Ng rất quan tâm đến việc học tập của các cháu.

Về tài sản chung: Tài sản chung cụ thể UBND xã không nắm được.

Nay, vụ kiện xảy ra, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật giải quyết vụ án để đảm B quyền và ngĩa vụ của các đương sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Khắc Thị T.

Xử cho chị T được ly hôn anh Lê Thiên Ng.

Về con chung: Anh Lê Thiên Ng và chị Khắc Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015.

Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập các bên đương sự, để đảm B cuộc sống ổn định của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thiên B và cháu Lê Thiên L cho anh Lê Thiên Ng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện thực hiện.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng:

Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"*. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Lê Thiên Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng có HKTT: thôn LK, xã ĐG, huyện HĐ, Tp. Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Ng là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh Ng trong thời gian chung sống đã có những mâu thuẫn, hai bên không có tiếng nói chung. Chị T và anh Ng đã ly thân.

Chị Khắc Thị T xin ly hôn, anh T đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị T được ly hôn anh Ng là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015. Hiện tại, hai cháu đang ở với bố là anh Lê Thiên Ng. Anh Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị T đồng ý.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh, khả năng thu nhập của các đương sự, nguyện vọng của các cháu để đảm B cuộc sống cho con chung.Việc giao con chung để đảm B sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của trẻ nhỏ là cần thiết.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm B cuộc sống ổn định, lâu dài cho con chung, việc giao con chung là cháu Lê Thiên B và cháu Lê Thiên L cho anh

Lê Thiên Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thiên Ng không yêu cầu chị Khắc Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện thực hiện.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Khắc Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khắc Thị T.

Tuyên xử chị Khắc Thị T được ly hôn anh Lê Thiên Ng.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Thiên B, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Lê Thiên L, sinh ngày 11/01/2015 cho anh Lê Thiên Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thiên Ng không yêu cầu chị Khắc Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện thực hiện.

Chị Khắc Thị T có quyền, Ng vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Ghi nhận chị Khắc Thị T và anh Lê Thiên Ng không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Khắc Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2020/0015583 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị Khắc Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TANDTP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐG, H. Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA